

## Phụ lục I

## DỰ KIẾN CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG CẦN TIÊM VẮC XIN PHÒNG COVID-19

Kế hoạch triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2021 - 2022  
(Kèm theo Kế hoạch số 2649/UBND-VX ngày 31/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Nhóm	Nhóm đối tượng	Tổng số (người)	Tiêm đủ 2 mũi		Tiêm 1 mũi	Đối tượng cần tiêm trong chiến dịch
			Đợt 1,2	Đợt 3		
	<b>Đối tượng ưu tiên theo Quyết định số 3355/QĐ-BYT</b>	<b>372,446</b>	<b>11,116</b>	<b>5,040</b>	<b>20,962</b>	<b>356,290</b>
a, b	Người làm việc trong các cơ sở y tế, ngành y tế; Người tham gia phòng chống dịch	14,578	9,833	950	3,290	3,795
c, d	Lực lượng Quân đội; Lực lượng Công an	5,423	1,283	420	320	3,720
-	<i>Lực lượng Quân đội (gồm Bộ Chỉ huy Quân sự và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng)</i>	2,823	984			1,839
-	<i>Lực lượng công an</i>	2,600	299	420	320	1,881
đ	Nhân viên, cán bộ ngoại giao của Việt Nam và thân nhân được cử đi nước ngoài; người làm việc trong các cơ quan Ngoại giao, Lãnh sự, các tổ chức quốc tế hoạt động tại tỉnh;	-	-			-
e	Hải quan, cán bộ làm công tác xuất nhập cảnh.	39			39	39
g	Người cung cấp dịch vụ thiết yếu: Hàng không, vận tải, du lịch; cung cấp dịch vụ điện, nước,...	26,711		1,813	3,806	24,898
h	Giáo viên, người làm việc, học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục, đào tạo; lực lượng bác sỹ trẻ; người làm việc tại các cơ quan, đơn vị hành chính; các tổ chức hành nghề luật sư, công chứng, đấu giá... thường xuyên tiếp xúc với nhiều người.	27,045		470	11,385	26,575
i	Người mắc các bệnh mạn tính; Người trên 65 tuổi	37,397	-	100		37,297
k	Người sinh sống tại các vùng có dịch	-	-			-
l	Người nghèo, các đối tượng chính sách xã hội	35,319	-			35,319
m	Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đi công tác, học tập, lao động ở nước ngoài hoặc có nhu cầu xuất cảnh để công tác, học tập và lao động ở nước ngoài; chuyên gia nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	-	-			-
n	Các đối tượng là người lao động, thân nhân người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất, doanh nghiệp kinh doanh vận tải, tín dụng, du lịch...), cơ sở kinh doanh dịch vụ thiết yếu như các cơ sở lưu trú, ăn uống, ngân hàng, chăm sóc sức khỏe, dược, vật tư y tế... cơ sở bán lẻ, bán buôn, chợ, công trình xây dựng, người dân ở vùng/khu du lịch.	125,432		1,230	2,122	124,202
o	Các chức sắc, chức việc các tôn giáo.	736	-	57		679
p	Người lao động tự do.	99,766	-			99,766
q	Các đối tượng khác theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đề xuất của các đơn vị viện trợ vắc xin cho Bộ Y tế.	-	-			-

**Phụ lục II**  
**DỰ KIẾN ĐỐI TƯỢNG CẦN TIÊM TRONG CHIẾN DỊCH**  
**Kế hoạch triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2021 - 2022**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 2649/UBND-VX ngày 31/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

TT	Huyện/ thành phố	Số xã	Tổng số	Đã tiêm theo KH số 1145/KH-UBND						Đối tượng cần tiêm trong chiến dịch		
				Đã hoàn thành 2 mũi		Tổng đủ 2 mũi	Đã tiêm 1 mũi		Tổng tiêm mũi 1	Tổng số	Trong đó	
				Đợt 1,3,4	Đợt 3		Đợt 2	Đợt 4			2 mũi	1 mũi
1	TP.Kon Tum	21	130,454	2,889	1,778	4,667	9,302	179	9,481	125,787	116,306	9,481
2	Đăk Hà	11	50,477	1,510	588	2,098	1,673	66	1,739	48,379	46,640	1,739
3	Đăk Tô	9	30,736	1,032	238	1,270	1,272	65	1,337	29,466	28,129	1,337
4	Tu Mơ Rông	11	18,241	953	434	1,387	809	67	876	16,854	15,978	876
5	Ngọc Hồi	8	35,916	603	406	1,009	2,191	66	2,257	34,907	32,650	2,257
6	Đăk Glei	12	29,531	1,420	350	1,770	1,351	62	1,413	27,761	26,348	1,413
7	Kon Plong	9	18,192	539	490	1,029	1,251	61	1,312	17,163	15,851	1,312
8	Kon Rẫy	7	21,057	711	112	823	1,180	67	1,247	20,234	18,987	1,247
9	Sa Thầy	11	31,292	1,066	322	1,388	1,548	60	1,608	29,904	28,296	1,608
10	Ia H'Drai	3	6,550	393	322	715	385	41	426	5,835	5,409	426
<b>Cộng: 10 huyện/TP</b>		<b>102</b>	<b>372,446</b>	<b>11,116</b>	<b>5,040</b>	<b>16,156</b>	<b>20,962</b>	<b>734</b>	<b>21,696</b>	<b>356,290</b>	<b>334,594</b>	<b>21,696</b>
<b>Toàn tỉnh</b>	Diện tiêm		372,466			16,156			37,852			
	Tỷ lệ (2 mũi)		4.34	Mục tiêu: Tối thiểu 50% dân số từ 18 tuổi trở lên được tiêm vắc xin phòng COVID-19 trong năm 2021.								
	Tỷ lệ (1 mũi)		10.16									
	Toàn dân		543,452	Mục tiêu: Trên 70% dân số toàn tỉnh được tiêm vắc xin phòng COVID-19 đến hết quý I/2022.								
	Tỷ lệ (2 mũi)		2.97									
Tỷ lệ (1 mũi)		6.97										

**Phụ lục IV**  
**DỰ TOÁN KINH PHÍ**

*ĐVT: ngàn đồng*

STT	Nội dung	Tiền	Trong đó	
			Kinh phí Trung ương hỗ trợ	Kinh phí ngân sách tỉnh cấp
1	Vắc xin, bơm kim tiêm, bông, cồn...	267,448	Hỗ trợ toàn bộ vắc xin, bơm kim tiêm	267,448
2	Hỗ trợ điều tra đối tượng	306,000	-	306,000
3	Chi phí vận chuyển vắc xin và vật tư tiêu hao	254,976	-	254,976
4	Chi hỗ trợ công tiêm	4,663,467	-	4,663,467
5	Chi in ấn tài liệu truyền thông	2,441,622	-	2,441,622
6	Tập huấn	21,400		21,400
7	Giám sát	314,022	-	314,022
8	Xử lý rác thải	533,990	-	533,990
9	Chi khác	3,457,800	-	3,457,800
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>12,260,725</b>		<b>12,260,725</b>

-----

Phụ lục III

**DỰ KIẾN ĐỐI TƯỢNG VÀ NHU CẦU VẮC XIN, VẬT TƯ TIÊM CHỦNG**

**Kế hoạch triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2021 -**  
(Kèm theo Kế hoạch số 2649/UBND-VX ngày 31/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Huyện/ thành phố	Số xã	Số đối tượng cần tiêm			Nhu cầu vắc xin và vật tư tiêm chủng				
			2 mũi	1 mũi	Tổng cộng	Vắc xin	BKT 0,5ml	HAT	Bông	Cồn
1	TP.Kon Tum	21	116,306	9,481	125,787	239,670	239,670	2,636	178	534
2	Đăk Hà	11	46,640	1,739	48,379	94,070	94,070	1,035	70	210
3	Đăk Tô	9	28,129	1,337	29,466	57,020	57,020	627	42	126
4	Tu Mơ Rông	11	15,978	876	16,854	32,500	32,500	358	24	72
5	Ngọc Hồi	8	32,650	2,257	34,907	66,880	66,880	736	50	150
6	Đăk Glei	12	26,348	1,413	27,761	53,570	53,570	589	40	120
7	Kon Plong	9	15,851	1,312	17,163	32,680	32,680	359	24	72
8	Kon Rẫy	7	18,987	1,247	20,234	38,830	38,830	427	29	87
9	Sa Thầy	11	28,296	1,608	29,904	57,620	57,620	634	43	129
10	Ia H'Drai	3	5,409	426	5,835	11,130	11,130	122	8	24
<b>Cộng: 10 huyện/TP</b>		<b>102</b>	<b>334,594</b>	<b>21,696</b>	<b>356,290</b>	<b>683,970</b>	<b>683,970</b>	<b>7,524</b>	<b>508</b>	<b>1,524</b>

**Phụ lục III.2**

**NHU CẦU BIỂU MẪU TIÊM CHỦNG**

**Kế hoạch triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2021 - 2022**

*(Kèm theo Kế hoạch số 2649/UBND-VX ngày 31/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum*

TT	Huyện/ thành phố	Số xã	Số đối tượng cần tiêm			Nhu cầu biểu mẫu						
			2 mũi	1 mũi	Tổng cộng	Giấy mời	Giấy xác nhận đã tiêm	Phiếu điều tra	Phiếu sàng lọc	Phiếu đồng ý tham gia	Mẫu báo cáo tổng kết	Phiếu khai báo y tế
1	TP.Kon Tum	21	116,306	9,481	125,787	239,670	239,670	5,120	239,670	239,670	52	239,670
2	Đăk Hà	11	46,640	1,739	48,379	94,070	94,070	2,050	94,070	94,070	32	94,070
3	Đăk Tô	9	28,129	1,337	29,466	57,020	57,020	1,240	57,020	57,020	28	57,020
4	Tu Mơ Rông	11	15,978	876	16,854	32,500	32,500	700	32,500	32,500	32	32,500
5	Ngọc Hồi	8	32,650	2,257	34,907	66,880	66,880	1,440	66,880	66,880	26	66,880
6	Đăk Glei	12	26,348	1,413	27,761	53,570	53,570	1,160	53,570	53,570	34	53,570
7	Kon Plong	9	15,851	1,312	17,163	32,680	32,680	700	32,680	32,680	28	32,680
8	Kon Rẫy	7	18,987	1,247	20,234	38,830	38,830	840	38,830	38,830	24	38,830
9	Sa Thầy	11	28,296	1,608	29,904	57,620	57,620	1,250	57,620	57,620	32	57,620
10	Ia H'Drai	3	5,409	426	5,835	11,130	11,130	240	11,130	11,130	16	11,130
<b>Cộng: 10 huyện/TP</b>		<b>102</b>	<b>334,594</b>	<b>21,696</b>	<b>356,290</b>	<b>683,970</b>	<b>683,970</b>	<b>14,740</b>	<b>683,970</b>	<b>683,970</b>	<b>304</b>	<b>683,970</b>

**Phụ lục IV  
DỰ TOÁN KINH PHÍ**

**Kế hoạch triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2021 - 2022**  
(Kèm theo Kế hoạch số 2649/UBND-VX ngày 31/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

ĐVT: ngàn đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Tổng cộng	Trong đó		Áp dụng văn bản về nội dung mức chi	Thuyết minh	
						Kinh phí Trung ương hỗ trợ	Kinh phí ngân sách tỉnh cấp			
A	B	C	1	2	3=1 x 2	4	5			
<b>I</b>	<b>MUA VẮC XIN VÀ VẬT TƯ TIÊM CHỦNG</b>				<b>267,448</b>	<b>-</b>	<b>267,448</b>			
1	Vắc xin	Liều	683,970	-	-	-	-		Bộ Y tế hỗ trợ toàn bộ bằng hiện vật	
2	Bơm kim tiêm	Cái	683,970	-	-	-	-			
3	Hộp an toàn	Cái	7,524	-	-	-	-			
4	Bông y tế	Kg	508	250	127,000	-	127,000	Chi phí thực tế	1500 mũi tiêm/kg bông	
5	Cồn y tế	Lit	1,524	52	79,248	-	79,248		1 kg bông = 3 lít cồn	
6	máy đo phân áp o-xy (SpO2)	Cái	102	600	61,200		61,200		Điều kiện bắt buộc theo QĐ	
<b>II</b>	<b>CHI ĐIỀU TRA ĐỐI TƯỢNG</b>				<b>306,000</b>	<b>-</b>	<b>306,000</b>			
-	Hỗ trợ Trạm Y tế xã rà soát, điều tra đối tượng: 03 người x 10 ngày x 100.000đ/ngày x 102 xã (hỗ trợ bằng mức phụ cấp công tác phí đi về trong ngày)	Xã	102	3,000	306,000	-	306,000	Hỗ trợ phụ cấp công tác phí theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính		
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ VẬN CHUYỂN VẮC XIN, VẬT TƯ TIÊM CHỦNG</b>				<b>254,976</b>	<b>-</b>	<b>254,976</b>			
1	Tuyển tinh vận chuyển vật tư tiêm chủng từ Viện VSDT Tây Nguyên				60,000	-	60,000	Theo chi phí thực tế phát sinh	Viện VSDT TN chỉ vận chuyển vắc xin, còn vật tư tiêm chủng do tỉnh đi nhận, chiến dịch triển khai từ tháng 7/2021-4/2022, dự kiến vắc xin, vật tư tiêm chủng về 1 tháng/lần	
	Tuyển tinh vận chuyển vật tư tiêm chủng (bơm kim tiêm, hộp an toàn) từ Viện VSDT Tây Nguyên	Chuyến	10	6,000	60,000	-	60,000			
2	Tuyển huyện nhận vắc xin từ tỉnh				56,645	-	56,645	Theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại QĐ số 1210/QĐ-BYT ngày 09/02/2021 và mức chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính	Vắc xin phòng COVID-19 có hạn sử dụng rất ngắn và Bộ Y tế cũng cấp vắc xin chia nhỏ từng đợt, do đó, tùy lượng vắc xin được phân bổ sẽ cung ứng cho các đơn vị từng lượng nhỏ đủ sử dụng trong 1 đợt tiêm chủng nên số lần đi nhận vắc xin tương đối nhiều	
-	Công tác phí cho lái xe và cán bộ được: dự kiến 07 lần/đợt x 2 đợt x 2 người x 9 huyện x 100,000đ/ngày	Lượt người	252	100	25,200	-	25,200			
-	Xăng xe	Lít	1,850	17	31,445	-	31,445			
3	Tuyển xã đi nhận vắc xin tại tuyển huyện (dự kiến 07 lần/đợt x 2 đợt)				138,331	-	138,331			
-	Công tác phí cho cán bộ đi nhận vắc xin: 81 xã x 07 lần/đợt x 2 đợt x 100,000đ/ngày	Lượt người	1,134	100	113,400	-	113,400			
-	Khoản tự túc xăng xe và phương tiện (khoản 1,200đ/km)	Km	20,776	1.2	24,931	-	24,931			
<b>IV</b>	<b>CHI HỖ TRỢ CÔNG TIÊM</b>				<b>4,663,467</b>	<b>-</b>	<b>4,663,467</b>			

	Hỗ trợ công tiêm chủng: Tổng số lượt mũi tiêm x 7,500đ/mũi tiêm	Lượt mũi tiêm	621,796	7.5	4,663,467	-	4,663,467	<p>Theo chi phí thực tế tiêm được (đư kiến đạt 90%); Mức chi: chi theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2021</p> <p>Mọi bàn tiêm theo quy định gồm các vị trí: Tiếp đón, khai báo y tế- Khám sàng lọc- Tiêm chủng - Vào sổ, cấp phiếu chứng nhận sau tiêm-Theo dõi sau tiêm (Mỗi vị trí tương ứng từ 2-3 người x 5 vị trí). Mặt khác, mỗi bàn tiêm thực hiện buổi không quá 100 đối tượng/buổi/bàn tiêm; do đó; số lượng người được tiêm tính theo đầu người thường không quá 150,000đ/người/ngày, các đơn vị khi thanh toán phải thể hiện rõ trong kế hoạch chi tiết từng buổi tiêm, tên người cụ thể tại từng vị trí, số bàn tiêm</p>
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ IN ÁN TÀI LIỆU VÀ TRUYỀN THÔNG</b>				<b>2,441,622</b>	<b>-</b>	<b>2,441,622</b>	
<b>1</b>	<b>In ấn biểu mẫu</b>				<b>2,298,682</b>	<b>-</b>	<b>2,298,682</b>	
-	Giấy mời (khổ A4)	Tờ	683,970	0.5	341,985	-	341,985	<p>Các biểu mẫu in ấn theo yêu cầu của Bộ Y tế và chi phí theo thực tế</p>
-	Giấy xác nhận đã tiêm (giấy bìa cứng, khổ A5)	Tờ	683,970	1.2	820,764	-	820,764	
-	Mẫu điều tra đối tượng (khổ A4)	Tờ	14,740	0.5	7,370	-	7,370	
-	Phiếu khám sàng lọc trước TC vắc xin phòng COVID-19 (khổ A4)	Tờ	683,970	0.5	341,985	-	341,985	
-	Phiếu đồng ý tham gia TC vắc xin COVID-19 (khổ A4)	Tờ	683,970	0.5	341,985	-	341,985	
-	Biểu mẫu báo cáo	Bộ	304	2.0	608	-	608	
-	Các bảng biểu, bảng chỉ dẫn điểm tiêm và bảng tên các vị trí bàn tiêm (mỗi xã là 01 điểm tiêm): 1.000.000đ/điểm tiêm	Xã	102	1,000	102,000	-	102,000	
-	Phiếu khai báo y tế	Tờ	683,970	0.5	341,985	-	341,985	
<b>2</b>	<b>Hoạt động truyền thông</b>				<b>142,940</b>	<b>-</b>	<b>142,940</b>	
2.1	Sản xuất thông điệp phát thanh tuyên truyền về tiêm chủng vắc xin COVID-19				4,840	-	4,840	<p>Theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại QĐ số 1210/QĐ-BYT ngày 09/02/2021 và mức chi theo thực tế</p>
-	Viết, biên tập thông điệp	Thông điệp	5	100	500	-	500	
-	Đọc thông điệp	Lần	5	100	500	-	500	
-	Thu âm, chỉnh sửa, sản xuất thông điệp gốc	Thông điệp	5	200	1,000	-	1,000	
-	In đĩa VCD thông điệp phát thanh tuyên truyền về tiêm chủng vắc xin COVID-19 cấp phát cho tuyến huyện, xã	Cái	142	20	2,840	-	2,840	
2.2	Băng rôn tại các xã (điểm tiêm chủng) và huyện	Cái	113	500	56,500	-	56,500	
2.3	Truyền thông trực tiếp (trước, trong chiến dịch)				81,600	-	81,600	
-	Hỗ trợ tuyên xã tổ chức truyền thông trực tiếp: 102 xã x 04 buổi/đợt x 100,000đ/buổi x 2 đợt	Xã	102	800	81,600	-	81,600	
<b>VI</b>	<b>HOẠT ĐỘNG TẬP HUẤN</b>				<b>21,400</b>	<b>-</b>	<b>21,400</b>	
<b>1</b>	<b>Tập huấn triển khai chiến dịch (02 lớp trực tiếp cho cán bộ tuyến huyện, 40 người/lớp)</b>				<b>11,400</b>	<b>-</b>	<b>11,400</b>	<p>Tổ chức tập huấn trực tiếp cán bộ tuyến huyện, tỉnh về các văn bản mới, quan trọng hoặc những người mới tham gia tiêm chủng để đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận tham dự tập huấn</p>
-	Hỗ trợ thù lao giảng viên	Buổi	4	1,000	4,000	-	4,000	
-	Văn phòng phẩm và tài liệu: 80 bộ	Bộ	80	50	4,000	-	4,000	
-	Nước uống, giải khát giữa giờ	Suất	80	30	2,400	-	2,400	
-	Maket	Cái	2	500	1,000	-	1,000	

<b>2</b>	<b>Tập huấn trực tuyến (dự kiến 05 lớp)</b>				<b>10,000</b>		<b>10,000</b>		
-	Hỗ trợ thù lao giảng viên	Buổi	10	1,000	10,000	-	10,000		
<b>VII</b>	<b>CHI PHÍ GIÁM SÁT</b>				<b>314,022</b>	<b>-</b>	<b>314,022</b>		
<b>1</b>	<b>Tuyển tỉnh (CDC) giám sát</b>				<b>202,422</b>	<b>-</b>	<b>202,422</b>		
<b>1.1</b>	<b>Giám sát trước chiến dịch (03 ngày/đợt/huyện x 2 đợt)</b>				<b>86,812</b>	<b>-</b>	<b>86,812</b>		
-	Phụ cấp công tác phí: 04 người x 03 ngày/đợt/huyện x 9 huyện x 2 đợt	Lượt ngày	216	200	43,200	-	43,200		
-	Khoản tự túc phòng ngủ: 04 người x 02đêm/huyện x 9 huyện x 2 đợt	Lượt đêm	144	200	28,800	-	28,800		
-	Chi phí đi lại và lưu động	Lít	694	20	14,812	-	14,812		
<b>1.2</b>	<b>Giám sát trong chiến dịch (04 ngày/đợt/huyện x 2 đợt)</b>				<b>115,610</b>	<b>-</b>	<b>115,610</b>		
-	Phụ cấp công tác phí: 04 người x 04 ngày/đợt/huyện x 9 huyện x 2 đợt	Lượt ngày	288	200	57,600	-	57,600		
-	Khoản tự túc phòng ngủ: 04 người x 03đêm/đợt/huyện x 9 huyện x 2 đợt	Lượt đêm	216	200	43,200	-	43,200		
-	Khoản chi phí đi lại	Km	694	20	14,810	-	14,810		
<b>2</b>	<b>Tuyển huyện giám sát</b>				<b>111,600</b>	<b>-</b>	<b>111,600</b>		
-	Phụ cấp công tác phí: 15ngày/đợt x 2 đợt x 3 người x 100.000đ/ngày (đi về trong ngày)	Huyện	10	9,000	90,000	-	90,000		
-	Khoản hỗ trợ tiền xăng xe đi giám sát: 300km x 3 người x 1200đ/km x 2 đợt	Huyện	10	2,160	21,600	-	21,600		
<b>VIII</b>	<b>HỖ TRỢ XỬ LÝ RÁC THẢI</b>				<b>533,990</b>	<b>-</b>	<b>533,990</b>		
-	Hỗ trợ cán bộ thu gom, vận chuyển rác thải thiêu huỷ (100.000đ/ngày x 15 ngày/điểm x 102 điểm x 2 đợt)	Lượt ngày	3,060	100	306,000	-	306,000		
-	Chi phí hủy bom kim tiêm: 150 cái/kg x 50.000đ/kg	Kg	4,560	50	227,990	-	227,990		
<b>IX</b>	<b>CHI KHÁC</b>				<b>3,457,800</b>	<b>-</b>	<b>3,457,800</b>		
1	Thuê phòng, rạp, bàn ghế phục vụ chờ và theo dõi sau tiêm cho các đối tượng tiêm chủng: 1.000.000đ/ngày x 15 ngày/đợt x 2 đợt x 102 xã	Xã	102	30,000	3,060,000		3,060,000		
2	Chi phí mua thuốc chống sốc và các vật tư liên quan...): 1.000.000/đợt x 2 đợt x 102 xã	Xã	102	2,000	204,000		204,000		
3	Mua nước sát khuẩn: 10 chai/điểm tiêm/xã x 102 xã x 2 đợt x 95.000đ/chai	Xã	102	1,900	193,800		193,800		
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>12,260,724</b>	<b>-</b>	<b>12,260,724</b>		

Theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại QĐ số 1210/QĐ-BYT ngày 09/02/2021 và mức chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính

Vắc xin phòng COVID-19 được tiêm 02 mũi/người. Trong đó, chiến dịch được triển khai từng vòng theo phân bổ vắc xin từ Bộ Y tế. Do đó, hoạt động giám sát đều phải được thực hiện theo từng đợt triển khai nhỏ để kiểm tra, hướng dẫn từng điểm tiêm thực hiện đúng chuyên môn quy định. Đặc biệt, đối với vắc xin phòng COVID-19 là vắc xin mới, được cập nhật và có cách sử dụng rất khác nhau. Mặt khác, các trường hợp tai biến nặng sau tiêm đều phải được đi điều tra 100%, do đó, việc giám sát này trực tiếp là vô cùng cần thiết (thực tế qua 2 đợt triển khai tuyển tỉnh đã giám sát 04 ngày/huyện)

Công văn số 102/MT-YT ngày 04/3/2021 "Hướng dẫn quản lý chất thải y tế trong tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 và chi phí thực tế"

Theo các văn bản hướng dẫn về tiêm chủng an toàn của Bộ Y tế và chi phí thực tế phát sinh trong quá trình triển khai tiêm chủng

**Ghi chú:**

1. Kinh phí Trung ương hỗ trợ (Chi phí mua vắc xin, bơm kim tiêm)
2. Kinh phí ngân sách tỉnh (các chi phí triển khai chiến dịch)

**Tổng cộng:**

-  
**12,260,724**  
**12,260,724**

